

MỘT SỐ LÝ THUYẾT ĐIỂN HÌNH VỀ LÃNH ĐẠO TRONG XÃ HỘI PHƯƠNG ĐÔNG VÀ GIÁ TRỊ VẬN DỤNG ĐỐI VỚI KHOA HỌC VỀ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ HIỆN NAY

TS. Dương Thị Hà, Học viện Hành chính Quốc gia

Email: haduong2988@gmail.com

TÓM TẮT

Trong những thập niên gần đây nghiên cứu về các học thuyết, trường phái tư tưởng lớn của xã hội phương Đông là một trong những xu hướng của khoa học chính trị hiện đại, thu hút được sự quan tâm lớn của nhiều học giả, nhà quản lý, lãnh đạo. Trong khuôn khổ của bài viết này, tác giả tập trung vào khái quát ba trường phái tư tưởng lớn, đồng thời là ba học thuyết điển hình về lãnh đạo có ảnh hưởng lớn trong xã hội phương Đông. Từ đó liên hệ một số giá trị vận dụng các học thuyết này đối với khoa học về lãnh đạo, quản lý hiện nay.

Từ khoá: *Lãnh đạo học, phương Đông, quản trị quốc gia.*

In recent decades, the study of major theories and schools of thought from Eastern societies has become a trend in modern political science, attracting considerable attention from many scholars, managers, and leaders. Within the framework of this article, the author focuses on outlining three major schools of thought, which are also three typical leadership theories that have a significant impact on Eastern societies. From there, the author connects some of the values of applying these theories to the current science of leadership and management.

Keywords: *Leadership, Eastern, national governance.*

1. GIỚI THIỆU

Mọi tư tưởng và hình thức lãnh đạo đều nảy sinh trong một môi trường văn hoá xác định nào đó, nó luôn luôn mang đậm dấu ấn dân tộc và văn hoá của dân tộc đó. Hình thức, phong cách lãnh đạo trong một xã hội ngày nay rõ ràng khác với những gì đã được thực thi cách đây hàng ngàn năm. Tuy nhiên, chắc chắn vẫn sẽ có những điểm tương đồng giữa các hình thức lãnh đạo. Để hiểu rõ hơn về đặc trưng khi xây dựng hệ thống quản lý, hình thức lãnh đạo trong văn hoá phương Đông ngày nay, cần phân tích ảnh hưởng của những lý thuyết về lãnh đạo nổi bật trong dòng chảy lịch sử của các nước phương Đông.

Liên quan tới nghiên cứu tư tưởng lý luận về lãnh đạo của xã hội phương Đông, trong khuôn khổ của bài viết này, tác giả lựa chọn ba nhà tư tưởng trong lịch sử Trung Hoa, đó là ba nhà tư tưởng đã sáng lập, phát triển ba trường phái học thuật lớn: Khổng Tử với phái Nho gia, Hàn Phi Tử với Pháp gia, Lão Tử với Đạo gia. Những nhà tư tưởng này có ảnh hưởng lâu dài đến khoa học lãnh đạo, quản lý, không chỉ đối với Trung Quốc hiện đại mà còn ảnh hưởng đến nhiều nước trong khu vực, trong đó có Việt Nam.

2. HỌC THUYẾT LÃNH ĐẠO BẰNG “ĐỨC TRỊ” CỦA KHỔNG TỬ

Thuyết “đức trị” là hệ tư tưởng của

Khổng Tử - người sáng lập nên Nho giáo - hệ tư tưởng giữ vị trí chủ đạo trong hơn hai ngàn năm trong đời sống tinh thần, ý thức hệ và nền văn hóa Trung Hoa. Đức trị là học thuyết chính trị có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống văn hóa tinh thần không chỉ đối với Trung Quốc, mà còn đối với nhiều nước khác trong khu vực, như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam, Singapore... để từ đó hình thành nên không gian “Văn hóa Khổng giáo” của Đông phương. Học thuyết này của Khổng Tử có thể được khái quát qua một số nội dung cơ bản sau đây:

- Hạt nhân lý thuyết lãnh đạo, quản lý “đức trị” của Khổng Tử là Đạo Nhân

Đạo “Nhân” là xuất phát điểm tư tưởng của Khổng Tử. Con người sinh ra đều có bản chất Người (đức nhân) nhưng do trời phú khác nhau về năng lực, tài năng và hoàn cảnh sống khác nhau cho nên đã trở thành những nhân cách không giống nhau. Bằng sự học tập, tu dưỡng không ngừng, con người dần dần hoàn thiện bản chất người của mình - trở thành người có “Nhân”. Và những người hiền này có sứ mệnh giáo hoá xã hội, thực hiện nhân hoá mọi tầng lớp. Nhờ vậy, xã hội trở nên có nhân nghĩa và thịnh trị. Học thuyết “nhân trị” của Khổng Tử cũng là một học thuyết quản lý xã hội nhằm phát triển những phẩm chất tốt đẹp của con người, lãnh đạo - cai trị họ theo nguyên tắc đức trị - người trên nêu gương, kẻ dưới tự giác tuân theo.

Đạo “Nhân” của Khổng Tử rất mênh mông với nhiều vấn đề sâu sắc. Nhưng có ba phẩm chất ông cho là cơ bản mà giai cấp sĩ phải đạt tới là Nhân, Trí, Dũng. Nhân là lòng yêu thương con người, Trí là hiểu người và Dũng được hiểu là sức mạnh hay lòng can đảm. Trong đó, Nhân được xem là hạt nhân cốt

lõi của học thuyết “Đức trị” – là cái “cốt” lý luận giúp các nhà cai trị lập lại trật tự và xây dựng một xã hội phong kiến có tôn ti, trật tự theo lý tưởng đại đồng. Các nhà “Đức trị” cho rằng, chính trị là sự tiếp tục của đạo đức và chủ trương nâng đạo đức lên thành đường lối chính trị - gọi là đức trị. Đức trị chủ trương dùng tư cách đạo đức của nhà cầm quyền để cảm hoá dân chúng theo phương châm “thi hành chính trị thì nên dùng đức của nhà cầm quyền để mà cảm hoá dân chúng, khi đó dân chúng sẽ hướng về nhà cầm quyền như các vì sao châu về sao Bắc Đẩu” [1]. Tuy nhiên, các nhà đức trị cũng không xem nhẹ yếu tố năng lực, mà cho rằng “đức mỏng mà ở ngôi cao, trí nhỏ mà mưu việc lớn, thì khó có thể thành công vậy” [2].

- Người lãnh đạo phải có phẩm chất, tư cách theo hình mẫu người quân tử

Theo Khổng Tử, người có đạo Nhân (đủ tài đức) được gọi là "người hiền", mẫu người hiền điển hình là người quân tử. Nhiều đặc điểm của người quân tử được Khổng Tử nói đến như: Giữ vững tín nghĩa, không có chấp điều nhỏ nhặt; Thân với mọi người mà không kết đảng, hoà hợp với mọi người mà không a dua; Lấy nghĩa làm gốc, theo lễ mà làm, nói năng khiêm tốn, nhờ thành tín mà nên việc; Hiểu rộng, biết nhiều, làm được nhiều việc, chứ không phải như một đồ vật chỉ dùng được vào một việc; Thận trọng về lời nói, làm việc tác phong nhanh nhẹn...

Bàn về người lãnh đạo phải có tư cách của người quân tử, Khổng Tử đã chỉ ra rất rõ sự khác biệt giữa người quân tử và kẻ tiểu nhân. Ông vạch rõ ranh giới giữa hai “loại người” này như: về mục đích sống, động cơ hành động thì quân tử vì nghĩa, tiểu nhân vì lợi; quân tử không ngừng học tập, tu dưỡng, phấn đấu, tiêu

nhân sống an phận thủ thường, có sao hay vậy; quân tử trong quan hệ với mọi người, với xã hội thì hoà mà không đồng, tiểu nhân thì đồng mà không hoà. Người quân tử dám kiên trì quan điểm đúng đắn của mình, đề ra ý kiến bất đồng, tạo nên sự phát triển hài hoà, cân bằng. Tiểu nhân chỉ biết nhắm mắt làm bừa theo ý bề trên, không chú trọng đến đoàn kết, thích kéo bè kéo cánh vì tư lợi...

- Trung dung thể hiện nhân cách lý tưởng của người lãnh đạo

Khổng Tử nhìn nhận con người rất sâu sắc, cho nên ông luôn nhắc nhở tầng lớp sĩ, quân tử, trong mọi trường hợp và ở bất kỳ vị trí nào cũng cần giữ thái độ trung dung. Khổng Tử nói: “Chất thẳng văn tắc dã, văn thẳng chất tắc sử. Văn chất bần bần, nhiên hậu quân tử” [3] (nếu cái bên trong thẳng cái hình thức bên ngoài thì trở thành thô thiển, nếu cái hình thức bên ngoài thẳng cái bên trong thì trở thành giả dối, phù phiếm. Chỉ có bên ngoài và bên trong ở mức độ vừa phải thì mới thành quân tử). Xét theo quản lý hiện đại “trung dung” nghĩa là mọi quyết định đều phải đúng mức độ, không thái quá, trong xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, nhiều văn bản quá sẽ gây bệnh giấy tờ, hệ thống quản lý bị công kênh, kém linh hoạt. Ít văn bản quá sẽ không đủ để kiểm soát chặt chẽ. Chỉ coi trọng khuyến khích vật chất hay khuyến khích tinh thần cũng là “quá/bất cập”. Hoàn toàn theo triết lý quản lý hiện đại, bỏ qua yếu tố dân tộc, hay chỉ coi trọng bản sắc dân tộc, bỏ qua phương pháp quản lý hiện đại cũng là “quá/bất cập”. Khen thưởng tràn lan hay chỉ chú trọng khiển trách, cũng là “quá/bất cập”. Chỉ tiêu chất lượng cao quá hay thấp quá đều không đạt (bất cập).

Những yêu cầu cơ bản của Khổng Tử đối với người quân tử và kẻ sĩ là tham

khảo tốt cho cán bộ quản lý thời nay. Những mặt tích cực, hợp lý của tư tưởng đó đã đưa Khổng Tử lên vị trí của những người đầu tiên đề xướng và thực hành việc đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý chuyên nghiệp, đức tài song toàn, tôn chỉ của nó là đạo Nhân, gắn liền tu thân với việc quản lý xã hội: cách vật - trí tri - thành ý - chính tâm - tu thân - tề gia - trị quốc - bình thiên hạ.

Như vậy có thể thấy rằng, cốt lõi trong học thuyết lãnh đạo của Khổng Tử là đức trị. Ông yêu cầu người cai trị phải có đức và phải dùng đức để cai trị. Để có đức thì họ phải hành đạo, tức là phải tu thân, phải làm theo lễ. Muốn khôi phục lễ phải thực hiện chính danh. Thực hiện được chính danh thì xã hội sẽ ổn định, phát triển.

3. HỌC THUYẾT LÃNH ĐẠO BẰNG “PHÁP TRỊ” CỦA HÀN PHI TỬ

Xuất phát từ cục diện chiến tranh hỗn loạn thời Xuân Thu - Chiến Quốc, các nhà tư tưởng lớn của Trung Quốc bấy giờ đều có những học thuyết đề trị nước, an dân, như: Lão Tử đề cao tư tưởng “vô vi”- “cai trị bằng cách không cai trị”; Khổng Tử dùng “nhân trị” và “đức trị”; Mặc Tử chủ trương hòa bình, kiêm ái, bình đẳng giữa người với người; Hàn Phi Tử kiên trì đề ra “luật pháp” để trị nước, một khái niệm còn mới thời bấy giờ. Trong bốn trường phái tư tưởng lớn của Trung Quốc như trên (Nho, Mặc, Lão, Pháp), thì học thuyết “pháp trị” của Hàn Phi Tử mang nhiều điểm khác biệt nhất, thể hiện tính thực tế và hiện đại của một nhà cải cách chính trị. Học thuyết này có thể tóm lược qua một số nội dung chính như sau:

- Pháp luật là cảm nang và phương tiện đặc biệt đảm bảo cho sự cai trị thành công

Cho rằng pháp luật là công cụ đắc lực và hiệu nghiệm nhất để duy trì và củng cố quyền lực chính trị (uy thế) của nhà vua - công cụ của đế vương, chỗ dựa vững chắc nhất để bảo đảm an toàn cho sự ngự trị của vua, nên theo Hàn Phi, nhà vua sáng suốt phải đặt pháp luật lên trên đức hạnh và trên cả người hiền (vụ pháp chứ không vụ đức): "Thánh vương không quý nghĩa mà quý pháp luật " [4].

Trong học thuyết pháp trị của Hàn Phi sức mạnh của pháp luật được bảo đảm bằng chính sức mạnh quyền lực chính trị để buộc mọi người phải tuân theo. Và ngược lại, pháp luật được thực thi để củng cố và duy trì uy thế nhà vua. Ngoài pháp luật là chỗ dựa duy nhất để nhà vua tin cậy, tất cả các quan hệ khác như: vua tôi, cha con, anh em, vợ chồng... đều tuyệt đối không thể tin tưởng và luôn phải cảnh giác.

- Pháp luật là công cụ hữu hiệu nhất để đem lại hòa bình, ổn định và công bằng

Theo Hàn Phi, then chốt của việc xây dựng đất nước giàu mạnh là phải dựa vào pháp luật. Có pháp luật, pháp luật được thi hành một cách phổ quát và đúng đắn thì xã hội mới ổn định, xã hội ổn định lại là tiền đề quan trọng để xây dựng đất nước giàu mạnh, làm cho dân chúng được yên bình, hạnh phúc. Từ chỗ cho rằng, "Không có nước nào luôn luôn mạnh, cũng không có nước nào luôn luôn yếu. Hễ những người thi hành pháp luật mà mạnh thì nước mạnh, còn hễ những người thi hành pháp luật yếu thì nước yếu" [5], Hàn Phi đã đề xuất tư tưởng "**trị nước bằng luật pháp**", chủ trương "**luật pháp không phân biệt sang hèn**", "hình phạt không kiêng dè bậc đại thần, tướng thường không bỏ sót kẻ thất phu".

- Muốn "pháp" được thực thi hiệu quả thì phải gắn liền với "thuật" và "thế". Trong đó, "pháp" là nội dung của chính sách cai trị được thể hiện bằng luật lệ; "thế" là công cụ, phương tiện tạo nên sức mạnh, còn "thuật" là phương pháp, cách thức để thực hiện nội dung chính sách cai trị.

Theo Hàn Phi Tử, phải lấy "pháp" làm gốc để ổn định trật tự xã hội, nhưng chỉ có "pháp" mà thiếu "thế" tức là quyền lực thì dẫu người làm vua cũng không thể bảo đảm cho bề tôi phục tùng sự cai trị của mình. Hàn Phi cho rằng vua phải có quyền uy tuyệt đối, phải được tôn kính và phục tùng triệt để thì khi đó pháp luật mới hữu dụng. Khi đã có "pháp" và "thế", lúc này muốn trị quốc, bình thiên hạ thì một bậc minh quân còn cần có "thuật". "Thuật" chính là cách thức, phương pháp, mưu lược nhằm chọn đúng người, để giao đúng việc, sắp xếp công việc phù hợp với đội ngũ quan lại. Nhờ đó, nhà vua sẽ chọn được những người đủ tài đức làm rường cột cho quốc gia.

Có thể kết luận rằng, tư tưởng đề cao pháp luật, coi pháp luật là công cụ quản lý nhà nước và xã hội của Hàn Phi Tử được coi là một bước tiến lớn, đánh dấu một thời kỳ quan trọng trong việc ổn định trật tự xã hội bằng pháp luật của lịch sử Trung Quốc. Đây là quan niệm đạt đến đỉnh cao tư tưởng chính trị - pháp lý thời cổ đại. Tuy vậy, thuyết "pháp trị" của Hàn Phi không thể trở thành luật pháp hiện đại, bởi pháp luật thời quân chủ cũng chỉ để phục vụ cho nhà vua. Hàn Phi chủ trương xóa bỏ giai cấp để mọi người bình đẳng nhưng là bình đẳng ở giai cấp nô lệ, đều bị thống trị như nhau bằng luật pháp của nhà vua. Pháp luật khi đó không tách khỏi giai cấp mà là ở vị trí "dưới một người, trên vạn người."

4. HỌC THUYẾT LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ “VÔ VI” CỦA LÃO TỬ

Cách tiếp cận về quản trị xã hội và đời sống cá nhân của Lão Tử ngược hoàn toàn với quan điểm của Khổng Tử và Hàn Phi Tử. Ông cho rằng xã hội ngày càng suy đồi, luân lý bị xem thường chính là do các nhà tư tưởng và các nhà cầm quyền can thiệp vào tính tự nhiên của đời sống, đưa ra nhiều giáo lý, chuẩn mực, luật lệ, quy định và duy trì một bộ máy nhà nước, quân đội lớn, tốn kém... Sự lộn xộn, rối loạn của xã hội văn minh có nguyên nhân từ nhận thức sai lầm về thế giới - về Đạo.

Triết lý cơ bản nhất của Lão Tử về lãnh đạo, quản lý là phải thuận và học hỏi tự nhiên, không được làm trái với các quy luật và bản chất của thế giới tự nhiên có trước loài người. Lão Tử phê phán xã hội đương thời vì nó đã đánh mất tính tự nhiên vốn có, tức là không theo Đạo. Ông cho rằng, giải pháp để xã hội phát triển không phải là cải tạo hiện trạng xã hội theo các mục tiêu, chuẩn mực của Nho gia hay Pháp gia, mà là ngược lại, cần đưa con người về những tình cảm hồn nhiên, bẩm sinh, trong sạch, không suy tính. Quản trị xã hội cần dỡ bỏ những rắc rối, nguy tạo do các nhà cầm quyền đặt ra (như tạo ra các vị thánh thần, xây dựng nền luân lý lờ lẽ, hình pháp hà khắc...) để cai trị dân chúng.

Ông cho rằng, bậc trị nước càng ban hành nhiều điều cấm kỵ thì dân chúng càng nghèo khổ; bậc trị nước mà quá khắt khe, đem pháp lệnh bủa giăng trên đầu dân để đề phòng dân chúng, thì chúng dân cũng tìm đủ cách trốn tránh; gây ra mưu mô gian trá càng ngày càng thêm; dân càng khó trị thì đạo tắc càng nhiều. Dùng “vô vi” mà trị thì ít can thiệp đến việc người, không

dùng tư tâm mà hành động, lấy gương mẫu của mình mà sửa dân, thì dân không hay là bậc thánh quân có làm gì, nhưng rồi chúng dân tự sửa đổi lấy mình mà không cần đến sự bắt buộc hay cấm đoán, ban hành pháp lệnh.

Thuyết “vô vi” trong lãnh đạo, quản lý của Lão Tử có thể khái quát như sau:

- Vô vi không phải là nhà lãnh đạo, quản lý không làm gì, mà chính là thuận theo Đạo để đạt được hiệu quả tối đa, làm ít nhưng được nhiều

“Vô vi nhi trị” mà ông nói tức là phải thông qua “vô vi” để đạt tới mục đích của “trị”. “Trị” ở đây là lãnh đạo thành công đối với tổ chức xã hội, còn “vô vi” là con đường và phương tiện, không phải là “không làm gì cả” theo ý nghĩa chung, cũng tuyệt nhiên không phải là từ bỏ lãnh đạo, để cho nó tự phát triển, mà có ý nghĩa sâu sắc riêng của nó.

Lão Tử đề xướng thuận theo quy luật tự nhiên, về phương thức lãnh đạo, ông phản đối người lãnh đạo tùy tiện làm theo ý mình, chủ trương thanh tĩnh vô vi, hành động thuận theo đạo. Ông cho rằng người ngồi trên cần biết rằng trách nhiệm của mình chẳng qua chỉ là “phụ trợ vạn vật tự nhiên”, cần tránh xuất phát từ cái riêng của mình để quản lý một cách bừa bãi, chỉ có làm được như vậy mới có thể khiến hiệu suất quản lý đạt tới mức lớn nhất. Người quản lý không nên cố áp đặt ý chí của mình cho người khác, lấy tiêu chuẩn của mình làm tiêu chuẩn phán đoán sự vật.

- “Vô vi nhi vô bất vi”, có nghĩa là làm thuận theo quy luật của thực tại, thoạt nhìn có vẻ như không làm gì mà thực ra cái gì cũng làm hết, là trạng thái cao nhất của lãnh đạo, nhưng không phải nhà lãnh đạo nào cũng có thể đạt tới

Lão Tử chia người lãnh đạo ra làm 4 cấp: “thái thượng bất tri hữu chi, kỳ thứ thân chi dự chi, kỳ thứ úy chi, kỳ thứ vụ chi”. Có nghĩa là người lãnh đạo sáng suốt nhất, về căn bản nhân dân không cảm nhận thấy sự tồn tại của ông ta; cấp sau đó, người ta gần gũi ông ta, khen ngợi ông ta; cấp sau nữa, nhân dân sợ ông ta; tệ hại nhất, nhân dân khinh bỉ coi thường ông ta. Đối với Đạo gia, trạng thái lãnh đạo hoàn hảo nhất là phải tự nhiên như là trời đất sinh thành vạn vật vậy. Mọi việc người lãnh đạo làm đều thuận theo tự nhiên, thuận theo quy luật, những người bị lãnh đạo, ai cũng có vị trí của mình, làm hết sức phận sự của mình, đó mới là trạng thái cao nhất của lãnh đạo.

- *“Vô vi nhi trị” về bản chất chính là loại bỏ sức ép cao từ bên trên, tạo ra sức mạnh từ dưới lên*

Thuật lãnh đạo này đòi hỏi người lãnh đạo cần thực hiện việc trao quyền đầy đủ, khiến cho cấp dưới có cơ hội và điều kiện phát huy đầy đủ tài năng, đồng thời điều khiển và bảo vệ nhân tài một cách thỏa đáng.

Như vậy, Đạo, Vô vi là những phạm trù quan trọng nhất trong triết học và tư tưởng, lý luận về lãnh đạo, quản trị quốc gia của Lão Tử. Cách đây khoảng 2.500 năm, tư tưởng con người cần kính trọng, không được làm trái mẹ Tự nhiên - Đạo của Lão Tử có lẽ là cái thiện ý đầu tiên của khoa học đối với môi trường và sự phát triển bền vững. Triết lý của Đạo gia quá huyền diệu, gần ước mơ hơn là hiện thực, nên hiếm có nhà cai trị, lãnh đạo nào có thể làm được “vô vi nhi vô bất vi” và lựa chọn lối sống quá đơn giản như Lão Tử. Mặc dù vậy, học thuyết này vẫn được cả Nho gia lẫn Pháp gia kính trọng và nó rất phù hợp với những nhà lãnh đạo, quản lý chán ghét chốn quan trường

trong các thế chế hủ bại, mong muốn thoát ra, đi ngược lại số đông, tìm chỗ sống ẩn mình.

Có thể nói, nghiên cứu ba trường phái tư tưởng lớn của Trung Hoa cổ đại về lãnh đạo, quản lý ta có thể nhận thấy những giá trị cốt lõi của các học thuyết về lãnh đạo trong xã hội phương Đông là dựa trên yếu tố tinh thần, những phương diện thuộc về con người và gắn với cộng đồng. Điểm mạnh của các học thuyết này là khuyến khích sự phát triển đầy đủ các khía cạnh thuộc về con người, bằng cách nuôi dưỡng, chăm lo về tâm hồn, cảm xúc, tinh thần và sự tự do của mỗi cá nhân, tuy nhiên điểm yếu chính là thiếu đi tính kỷ luật, tư duy cụ thể, lạm dụng trực giác và kinh nghiệm chủ quan.

5. GIÁ TRỊ VẬN DỤNG CỦA CÁC HỌC THUYẾT TRÊN ĐỐI VỚI KHOA HỌC VỀ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ HIỆN NAY

Các lý thuyết lãnh đạo kinh điển của phương Đông như “Đức trị”, “Pháp trị”, “Vô vi nhi trị” do bối cảnh đương thời mà không phát huy được hết giá trị của chúng, cũng như do hệ tư tưởng phong kiến chi phối nên vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế. Nhưng không thể phủ nhận những giá trị nhân văn, minh triết mà các học thuyết của Nho gia, Pháp gia, Đạo gia mang lại, chúng có sức ảnh hưởng mạnh mẽ và đã định hình nền văn hoá nhiều quốc gia phương Đông trong hàng trăm năm qua. Hiện tượng thần kỳ Nhật Bản hay sự trỗi dậy ngoạn mục của những con rồng Châu Á như Singapore, Hàn Quốc, Trung Quốc đều là minh chứng cho sức mạnh tư tưởng lãnh đạo minh triết phương Đông. Ở các quốc gia này có sự hài hoà ổn định của một xã hội Nho giáo đặc trưng, họ đạt được những thành tựu về kinh tế khiến cả thế giới phải

kinh ngạc nhưng vẫn giữ được những chuẩn mực xã hội, coi trọng đạo đức, đề cao lễ giáo. Do gần gũi về văn hoá, thể chế chính trị mà việc tiếp nhận và vận dụng các học thuyết lãnh đạo phương Đông vào nước ta không quá khó khăn. Hiện nay những sách đã xuất bản về quản trị quốc gia thành công của Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc... đã có giá trị tham khảo quý và truyền cảm hứng cho công tác hoạch định chính sách và hoạt động lãnh đạo, quản lý của khu vực công của Việt Nam.

Hiện nay, dù có nhiều cách tiếp cận khác nhau về tư tưởng lãnh đạo của xã hội phương Đông hay phương Tây, nhưng tựu trung, các học thuyết này đều hướng tới sự quản trị quốc gia hiệu quả dựa trên việc sử dụng quyền lực một cách cẩn trọng, khôn ngoan, chia sẻ, vì lợi ích chung, bền vững. Trong quá trình nghiên cứu, học hỏi để đi tới vận dụng các lý thuyết lãnh đạo vào thực tiễn, Việt Nam nói riêng và các quốc gia nói chung luôn phải giữ tâm thái không quá đề cao hay lý tưởng hoá bất kỳ một trường phái hay học thuyết nào cụ thể mà phải luôn có sự linh hoạt, tiếp biến uyển chuyển, vận dụng có chọn lọc, bổ sung để phù hợp với bối cảnh của nước mình.

Mọi học thuyết, tư tưởng lãnh đạo đều có thể trở nên lỗi thời, hiệu quả ở giai đoạn này nhưng không có hiệu quả ở giai đoạn sau. Do đó, tiếp cận về học thuyết lãnh đạo yêu cầu các nhà quản lý, các nhà khoa học, lý luận phải có tinh thần, thái

độ biện chứng, cần chủ động nghiên cứu, đề xuất với chủ thể lãnh đạo đất nước khi thấy cần phải bổ sung, cải tiến, đổi mới, các tư tưởng, học thuyết chính thống để tăng tính hiệu quả, phù hợp với thực tiễn. Để làm được điều này thì chủ thể lãnh đạo phải có bản lĩnh chính trị và trí tuệ cao, dám thẳng thắn thừa nhận những hạn chế, yếu kém để tìm ra giải pháp khắc phục.

6. KẾT LUẬN

Các nhà tư tưởng lớn của nền văn minh Trung Hoa như Khổng Tử, Hàn Phi Tử, Lão Tử đã kiến thiết các phương pháp quản lý xã hội chủ yếu dựa vào văn trị, giáo hóa, đề cao giá trị cộng đồng, coi trọng quyền lực tập trung, với mục tiêu được lòng dân và xã hội phát triển bền vững, hài hoà, ổn định... đây cũng được xem là các giá trị cốt lõi của khoa học lãnh đạo phương Đông, tiếp tục duy trì sự ảnh hưởng nhất định trong khoa học lãnh đạo, quản lý của nhiều quốc gia ở khu vực Đông Á.

Đối với Việt Nam, các lý thuyết lãnh đạo điển hình của xã hội phương Đông có nhiều giá trị tham khảo và hoàn toàn có thể vận dụng vào lĩnh vực lãnh đạo, quản lý vi mô cả khu vực công và tư ở nước ta mà không có quá nhiều khác biệt. Tuy vậy, để sự vận dụng này đạt hiệu quả cần có một quá trình từ nghiên cứu đến áp dụng trong thực tiễn thận trọng, khách quan, phù hợp với các điều kiện, bối cảnh phát triển của đất nước.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- [1] Nguyễn Hiến Lê (Chủ dịch và giới thiệu, 1995), *Luận ngữ*, Nxb. Văn học.
- [2] Trần Trọng Kim (1974), *Nho giáo*, Nxb. Tân Việt, tr. 227.
- [3] Sách Luận ngữ/Ung Dã: <https://hauhocvan.com/x-luu-tru-bai-viet-x/luan-ngu-chuong-6-ung-da/>

- [4] Nguyễn Ngọc Huy (1967), *Đề tài người ưu tú trong tư tưởng chính trị Trung Quốc cổ thời*, Nxb. Cấp Tiến, Hà Nội, tr. 219.
- [5] Nguyễn Ngọc Huy, *Đề tài người ưu tú trong tư tưởng chính trị Trung Quốc cổ thời*, *Sđđ.*, tr. 55.